

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG THEO ISO 14001

**QUY TRÌNH
NHẬN BIẾT KHÍA CẠNH MÔI TRƯỜNG VÀ
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

MÃ HIỆU : QT.08/MTĐT
LẦN BAN HÀNH : 01
LẦN SỬA ĐỔI : 00

Chức danh	Người biên soạn	Người soát xét	Người phê duyệt
Chức danh	Chuyên viên P.CNUT	T.P. CNUT	Đảng ủy Ban Giám đốc
Chữ ký			
Họ và Tên	Đỗ Thanh Hằng	Huang T. Ngoc Ha	Đặng Đức Vũ
Ngày			17/16/2016

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG :

**QUY TRÌNH
NHẬN BIẾT KHÍA CẠNH MÔI TRƯỜNG VÀ
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

(*Ban hành kèm theo Quyết định số...../ QĐ-MTĐT ngày..... tháng..... năm.....
của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng*)

1. Mục đích và phạm vi áp dụng

Văn bản này qui định trình tự, nội dung, cách thức nhận biết khía cạnh môi trường và đánh giá tác động môi trường trong phạm vi áp dụng xác định của Công ty nhằm đảm bảo kiểm soát có hiệu quả các khía cạnh môi trường có ý nghĩa và đáp ứng yêu cầu pháp luật về môi trường, cũng như yêu cầu ngăn ngừa ô nhiễm.

Văn bản này áp dụng đối với Hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001 tại Công ty Cổ phần Môi trường và Đô thị Đà Nẵng (gọi tắt là Công ty).

2. Tài liệu viện dẫn

Quy trình kiểm soát tài liệu, mã hiệu: QT.01/MTĐT

Quy trình kiểm soát hồ sơ, mã hiệu: QT.02/MTĐT

Tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2010

3. Thuật ngữ, định nghĩa, từ viết tắt

3.1. Thuật ngữ, định nghĩa

Môi trường: Những thứ bao quanh nơi hoạt động của một tổ chức (công ty), kể cả không khí, nước, đất, nguồn tài nguyên thiên nhiên, hệ thực vật, hệ động vật, con người và các mối quan hệ qua lại của chúng.

Khía cạnh môi trường: Yếu tố của các hoạt động hoặc sản phẩm hoặc dịch vụ của một tổ chức có thể tác động qua lại với môi trường.

Ghi chú: Khía cạnh môi trường có ý nghĩa là khía cạnh có hoặc có thể có một tác động môi trường đáng kể.

Tác động môi trường: Bất kỳ một sự thay đổi nào của môi trường, dù là bất lợi hoặc có lợi, toàn bộ hoặc từng phần do các khía cạnh môi trường của một tổ chức gây ra.

Kết quả hoạt động môi trường: Các kết quả có thể đo được về sự quản lý các khía cạnh môi trường của một tổ chức.

Các thuật ngữ, định nghĩa có liên quan được sử dụng theo TCVN ISO 14001:2010.

Đơn vị: Các Phòng, Xí nghiệp, ... trực thuộc Công ty.

3.2. Từ viết tắt

HTQLMT	: Hệ thống quản lý môi trường.
MT	: Môi trường
KCMT	: Khía cạnh môi trường
TĐMT	: Tác động môi trường
MR	: Đại diện lãnh đạo về HTQLMT

4. Nội dung

4.1. Phạm vi áp dụng HTQLMT

Công ty áp dụng HTQLMT trong các hoạt động sau:

- a. Thu gom rác thải dân, quét đường và duy trì vệ sinh đường phố;
- b. Vận chuyển rác thải (trong toàn Tp. Đà Nẵng đến bãi rác Khánh Sơn);
- c. Quản lý bãi và xử lý chất thải (bãi rác Khánh Sơn);
- d. Thu gom, xử lý chất thải nguy hại;
- e. Tư vấn thiết kế, thi công, lập dự án đầu tư các hệ thống xử lý chất thải; Kinh doanh các thiết bị vệ sinh môi trường, các chế phẩm sinh học;
- f. Quản lý vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

4.2. Trách nhiệm nhận biết KCMT và đánh giá TĐMT

Mỗi đơn vị, trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao và phạm vi áp dụng HTQLMT thuộc đơn vị mình, Phụ trách đơn vị cử cán bộ thực hiện việc nhận biết KCMT và đánh giá TĐMT của đơn vị mình.

Việc nhận biết KCMT và đánh giá TĐMT phải tuân theo các quy định tại quy trình này. Trong đó, phải đảm bảo việc xác định đầy đủ, chính xác các khía cạnh môi trường trong các hoạt động, sản phẩm, dịch vụ của đơn vị.

Phụ trách đơn vị phải quan tâm, tham gia, chỉ đạo việc thực hiện của đơn vị, ký soát xét thỏa đáng các bảng xác định KCMT và đánh giá TĐMT của đơn vị.

Trên cơ sở các KCMT có ý nghĩa của đơn vị phải tổ chức xây dựng các biện pháp kiểm soát thích hợp. Tổ chức thông tin, thông báo đầy đủ đến CBCNV của đơn vị để có ý thức tuân thủ thực hiện.

Trường hợp, các KCMT và TĐMT có liên quan đến một số đơn vị thì Đại diện lãnh đạo phải phân công đơn vị chủ trì và phải theo dõi, kiểm soát việc thực hiện để đáp ứng yêu cầu.

Đại diện lãnh đạo tổ chức việc nhận biết KCMT và đánh giá TĐMT của tất cả các đơn vị, phê duyệt các kết quả nhận biết KCMT và đánh giá TĐMT, từ đó tổ chức thực hiện việc xây dựng, áp dụng các biện pháp kiểm soát phù hợp.

Trong quá trình thực hiện các nội dung về nhận biết KCMT và đánh giá TĐMT theo quy định tại quy trình này, nếu có nhu cầu thay đổi trình tự, nội dung, phương pháp thực hiện phải có sự đồng ý của Đại diện lãnh đạo và các thay đổi đó phải được xem xét, sửa đổi, cập nhật vào quy trình này và phê duyệt lại sớm nhất.

4.3. Sơ đồ quá trình nhận biết KCMT và đánh giá TĐMT (trang sau)

Trách nhiệm	Sơ đồ quá trình	Biểu mẫu, hồ sơ
MR		Mục 4.1
Các đơn vị	Xác định phạm vi áp dụng HTQLMT (hoạt động, sản phẩm, dịch vụ) Xác định các khía cạnh môi trường Đánh giá và xác định các KCMT có ý nghĩa	BM.01/QT.08/ MTĐT
Các đơn vị	Soát xét, phê duyệt	BM.01/QT.08/ MTĐT
Phụ trách đơn vị, MR	KCMT có ý nghĩa ở mức “thấp/không đáng kể” KCMT có ý nghĩa ở mức “trung bình/cao” Thiết lập: Mục tiêu, chỉ tiêu, biện pháp KS	BM.01/QT.08/ MTĐT BM.02/QT.08/ MTĐT
MR, Các đơn vị	Duy trì các hoạt động quản lý theo HTQLMT	BM.02/QT.08/ MTĐT
MR, Các đơn vị	Theo dõi và đo lường kết quả hoạt động môi trường	Mục tiêu, chỉ tiêu MT, Biện pháp kiểm soát
	QT. Theo dõi và đo lường kết quả hoạt động MT	

4.4. Nội dung các bước nhận biết KCMT và đánh giá TĐMT

Bước 1: Xác định các khía cạnh môi trường

Căn cứ vào các hoạt động, sản phẩm hay dịch vụ thuộc phạm vi áp dụng xác định tại mục 4.1 của đơn vị, Phụ trách đơn vị tổ chức xác định các KCMT của đơn vị theo biểu **BM.01/OT.08/MTĐT** như sau:

– Liệt kê các hoạt động tại các công đoạn thuộc sự kiểm soát của đơn vị mình dựa trên việc xem xét đầu vào, các quá trình/công đoạn bên trong, đầu ra của các hoạt động, sản phẩm hay dịch vụ.

– Ở mỗi hoạt động, sản phẩm hay dịch vụ phải xác định cụ thể các điều kiện bình thường, khác thường và khẩn cấp.

+ Ví dụ đối với hoạt động thu gom rác thải trong dân:

- Bình thường: thu gom rác theo lịch hàng ngày
- Khác thường/bất thường: ngày lễ, Tết với lượng rác gấp nhiều lần
- Khẩn cấp: tai nạn, hỏa hoạn, bão lụt bất ngờ với lượng rác rất lớn yêu cầu phải thu gom với thời gian ngắn.

– Khi xác định các khía cạnh môi trường tại các công đoạn, đầu vào, đầu ra cần phải xem xét đến các yếu tố sau:

- a) Sự phát thải vào không khí (khí thải, phát tán mùi hôi, ...)
- b) Sự phát thải vào nước (nước thải,...)
- c) Sự phát thải vào đất (nước thải, chôn lấp rác thải,...)
- d) Sử dụng nguyên liệu thô và tài nguyên thiên nhiên,
- e) Sử dụng năng lượng (nước, điện, năng lượng khác)
- f) Năng lượng bị thải ra (nhiệt lượng, phóng xạ, rung, ồn, ...)
- g) Chất thải và sản phẩm phụ, và
- h) Những thuộc tính vật lý (kích thước, hình dạng, màu sắc, bề ngoài,...)

Lưu ý: Khi xác định KCMT cần xem xét xác định các khía cạnh mà công ty có thể bị ảnh hưởng (hàng hóa, dịch vụ mà công ty sử dụng và/hoặc cung cấp).

– Các khía cạnh môi trường sau khi được xác định phải được Phụ trách đơn vị kiểm tra, soát xét phù hợp, thỏa đáng và được Đại diện lãnh đạo xem xét và phê duyệt.

Bước 2: Xác định khía cạnh môi trường có ý nghĩa

Trên cơ sở KCMT đã xác định tại bước 1, Phụ trách đơn vị tổ chức xác định KCMT có ý nghĩa như sau:

– Đánh giá “khả năng xảy ra” của các tác động theo thang điểm từ 1 đến 5 dựa vào bảng tiêu chuẩn 2.2

– Đánh giá “khả năng phát hiện” dựa theo thang điểm từ 1 đến 4 của bảng tiêu chuẩn 2.3

– Đánh giá “mức độ nguy hại” dựa theo thang điểm từ 1 đến 5 của bảng tiêu chuẩn 2.4

Cụ thể như sau:

2.1. Bảng thang điểm các khả năng, mức độ cần đánh giá

Khả năng xảy ra	Điểm	Khả năng phát hiện	Điểm	Mức độ nguy hại	Điểm
Không bao giờ	1	Rất cao	1	Không đáng kể	1
Thấp	2	Cao	2	Thấp	2
Trung bình	3	Trung bình	3	Trung bình	3
Cao	4	Thấp	4	Cao	4
Rất cao	5			Rất cao	5

2.2. Khả năng xảy ra

Khả năng xảy ra	Số lần xảy ra
Không bao giờ	0
Thấp	< 1 lần 1 năm
Trung bình	≥ 1 lần 1 năm, < 4 lần 1 năm
Cao	≥ 4 lần 1 năm, < 10 lần 1 năm
Rất cao	≥ 10 lần 1 năm

2.3. Khả năng phát hiện

Khả năng phát hiện	Tiêu chuẩn
Rất cao	100% được phát hiện bởi tất cả mọi người trong thời gian ngắn.
Cao	Chỉ được phát hiện bởi nhân viên của bộ phận liên quan đến khía cạnh môi trường đó.
Trung bình	Chỉ được phát hiện bởi Trưởng bộ phận liên quan hoặc nhân viên của Bộ phận kỹ thuật. Có thể phải sử dụng thiết bị để kiểm tra.
Thấp	Phải sử dụng thiết bị chuyên môn để kiểm tra.

2.4. Mức độ nguy hại

Mức độ nguy hại	Tiêu chuẩn
Không đáng kể	<ul style="list-style-type: none"> ✧ Không ảnh hưởng hay nguy hại đến môi trường ✧ Không gây ô nhiễm đáng kể đến vị trí đó
Thấp	<p>Ảnh hưởng đến môi trường nhưng không nguy hại đến sức khỏe con người, động vật, thực vật ở thời điểm hiện tại, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✧ Ô nhiễm môi trường ở mức tối thiểu ✧ Không thể nhận ra ảnh hưởng đối với môi trường ✧ Không bị yêu cầu phải vệ sinh ✧ Không bị phàn nàn bởi cộng đồng dân cư, khách hàng... ✧ Mức độ ô nhiễm nằm trong giới hạn cho phép của luật pháp và các yêu cầu khác
Trung bình	<p>Ảnh hưởng đến sức khỏe con người, động vật, thực vật, môi trường địa phương trong một thời gian ngắn, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✧ Không ảnh hưởng trong thời gian dài ✧ Chỉ ô nhiễm ở phạm vi môi trường địa phương ✧ Có thể bị yêu cầu phải vệ sinh ✧ Có thể bị phàn nàn bởi cộng đồng địa phương ✧ Làm giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên vô hạn ✧ Có thể vi phạm luật pháp hoặc các yêu cầu khác
Cao	<p>Trực tiếp hoặc kết hợp với chất khác làm ảnh hưởng lớn đến môi trường gây nguy hại trong thời gian ngắn cho sức khỏe con người, động vật, thực vật, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✧ Ảnh hưởng lớn trong thời gian ngắn ✧ Sẽ bị phàn nàn bởi khách hàng, cộng đồng địa phương ✧ Làm giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên hữu hạn ✧ Góp phần làm ảnh hưởng môi trường toàn cầu (phá hủy tầng ozone, tăng nhiệt độ trái đất) ✧ Vi phạm luật pháp hoặc các yêu cầu khác
Rất cao	Ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường trong thời

	<p>gian dài, không thể khắc phục được, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Ảnh hưởng dài hạn, vĩnh viễn ❖ Đe dọa cuộc sống con người ❖ Gây tuyệt chủng cho động vật, thực vật ❖ Mất khách hàng ❖ Bị cộng đồng phản đối ❖ Bị luật pháp lên án
--	---

Dựa vào công thức sau để đánh giá “mức độ ảnh hưởng” của các yếu tố tác động đến môi trường:

$$\text{Mức độ ảnh hưởng} = (\text{Điểm khả năng xảy ra}) \times (\text{Điểm khả năng phát hiện}) \\ \times (\text{Điểm mức độ nguy hại})$$

– Các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường sẽ được đánh giá dựa trên “điểm mức độ ảnh hưởng”, cụ thể như sau:

Điểm mức độ ảnh hưởng	Khía cạnh môi trường có ý nghĩa	Loại	Biện pháp kiểm soát
1 – 24	Không đáng kể	D	Không cần thiết
25 – 49	Thấp	C	Không cần thiết
50 – 74	Trung bình	B	Được quản lý và cải tiến bởi hệ thống quản lý môi trường, cần có các hành động khắc phục, phòng ngừa bằng các biện pháp kiểm soát cụ thể.
75 – 100	Cao	A	Phải thiết lập các hành động khắc phục, phòng ngừa bằng các biện pháp kiểm soát cụ thể

Lưu ý: KCMT có ý nghĩa còn được xem xét, xác định trên cơ sở yêu cầu của:

- Pháp luật quốc gia, quốc tế;
- Pháp luật của ngành, khu vực, địa phương, tỉnh/thành;
- Yêu cầu khác mà công ty phải tuân thủ hoặc chấp nhận, thỏa thuận như:
 - Các thỏa thuận với khách hàng;
 - Các hướng dẫn không có tính chất pháp luật;
 - Việc dán nhãn môi trường mang tính tự nguyện hoặc các cam kết cung cấp sản phẩm thân thiện môi trường;

- Các thỏa thuận với công đồng dân cư, tổ chức phi chính phủ;
- Quy định của công ty mẹ/cơ quan chủ quản;
- ...

Việc xem xét các yêu cầu trên được kết hợp với việc xem xét “mức độ nguy hại” tại bảng 2.4

Kết quả đánh giá TĐMT và xác định KCMT có ý nghĩa được cập nhật vào biểu **BM.02/QT.08/MTĐT**. Kết quả này được Phụ trách đơn vị soát xét và Đại diện lãnh đạo phê duyệt.

Thường trực ISO cập nhật, lưu giữ tất cả các bảng đánh giá TĐMT và xác định KCMT của các đơn vị.

4.5. Cập nhật, sửa đổi nội dung bảng đánh giá khía cạnh môi trường có ý nghĩa

Khi có các thay đổi, điều chỉnh, bổ sung về các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty thuộc phạm vi áp dụng HTQLMT hoặc thay đổi các đầu vào, đầu ra, công đoạn bên trong các quá trình đó thì Phụ trách đơn vị báo cáo Đại diện lãnh đạo để tiến hành xác định KCMT và đánh giá TĐMT theo các quy định tại mục 4.3 thuộc quy trình này.

4.6. Biện pháp kiểm soát KCMT có ý nghĩa và TĐMT đã xác định

– Đối với các KCMT có ý nghĩa được đánh giá ở mức độ “Cao”, Đại diện lãnh đạo và Phụ trách các đơn vị xem xét, xác định để:

- + Thiết lập mục tiêu và chỉ tiêu môi trường của Công ty, và/hoặc của đơn vị.
- + Xây dựng, áp dụng biện pháp kiểm soát tương ứng, thích hợp.
- + Xem xét quy định các tình trạng khẩn cấp có thể xảy ra và việc diễn tập (nếu có thể) tại Quy trình chuẩn bị sẵn sàng và ứng phó với tình trạng khẩn cấp về môi trường.

Lưu ý: các KCMT liên quan đến yêu cầu pháp luật phải tuân thủ đều được xem xét dựa vào mục tiêu, chỉ tiêu môi trường và xây dựng biện pháp kiểm soát.

– Đối với các KCMT có ý nghĩa được đánh giá ở mức độ “Trung bình”, Đại diện lãnh đạo và Phụ trách các đơn vị xem xét từng trường hợp cụ thể để có thể đưa ra mục tiêu và chỉ tiêu môi trường của Công ty, và/hoặc của đơn vị và xây dựng các biện pháp kiểm soát khi cần.

– Đối với các KCMT có ý nghĩa được đánh giá ở mức độ “Thấp/Không đáng kể”, thì công ty, các đơn vị chỉ cần duy trì các hoạt động quản lý theo yêu cầu của HTQLMT đã thiết lập (hệ thống tài liệu).

– Các biện pháp kiểm soát môi trường đối với các KCMT có ý nghĩa được xác định theo biểu **BM.03/QT.08/MTĐT** hoặc tại Danh mục tài liệu hệ thống thuộc QT. Kiểm soát tài liệu (**QT.01/MTĐT**).

– Các KCMT có ý nghĩa cần được thường xuyên thông tin đến các đối tượng liên quan thuộc công ty và xem xét dựa vào các chương trình đào tạo nội bộ của công ty, các đơn vị để CBCNV nhận thức được các tác động hiện tại hoặc tiềm ẩn liên quan với công việc của họ nhằm chủ động tham gia kiểm soát và ứng phó.

5. Hồ sơ công việc

5.1. Hồ sơ theo dõi xác định KCMT và đánh giá TĐMT gồm:

TT	Tên gọi hồ sơ	Mã hiệu	Nơi lập	Nơi lưu	Thời gian lưu
1	Bảng xác định khía cạnh và tác động môi trường	BM.01/QT.08/MTĐT	Đơn vị	Đơn vị, Ban ISO	3 năm
2	Bảng đánh giá và xác định khía cạnh môi trường có ý nghĩa	BM.02/QT.08/MTĐT	”	”	”
3	Danh mục biện pháp kiểm soát khía cạnh môi trường có ý nghĩa	BM.03/QT.08/MTĐT	”	”	”
4	Hồ sơ liên quan.				

5.2. Các hồ sơ này được các cá nhân, đơn vị liên quan lập, kiểm soát theo qui định tại QT. Kiểm soát hồ sơ, mã hiệu: **QT.02/MTĐT**

6. Phụ lục

Các biểu mẫu ban hành kèm theo Quy trình này gồm:

TT	Tên gọi biểu mẫu	Mã hiệu
1	Bảng xác định khía cạnh và tác động môi trường	BM.01/QT.08/ MTĐT
2	Bảng đánh giá và xác định khía cạnh môi trường có ý nghĩa	BM.02/QT.08/ MTĐT
3	Danh mục biện pháp kiểm soát khía cạnh môi trường có ý nghĩa	BM.03/QT.08/ MTĐT



PHỤ LỤC:
DANH SÁCH TỔNG QUÁT VÀ MÃ TÁC ĐỘNG
CỦA CÁC KHÍA CẠNH MÔI TRƯỜNG CÓ Ý NGHĨA

Khía cạnh môi trường	Tác động đến môi trường	Mã tác động
Thường xuyên thải ra các chất phá hoại tầng ozone (Halon, Freon, CFC...)	Phá hoại tầng ozone	OZ (Depletion of ozone layer)
Thải CO ₂ , NO ₂ ... Sử dụng điện, than đá...	Tăng nhiệt độ trái đất	GW (Global Warming)
Thải SO _X , NO _X ... Sử dụng điện	Mưa acid	AR (Acid rain)
Sử dụng than đá Sử dụng điện Sử dụng nước Sử dụng kim loại Sử dụng giấy	Làm giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên	NR (Natural resourse Depletion)
Thải bụi Thải khí thải Làm tràn đồ dung dịch, hóa chất Cháy nổ, hỏa hoạn	Ô nhiễm không khí	AP (Air polution)
Thải mùi hôi gây cảm giác khó chịu	Gây mùi khó chịu	ON (Offensive Odour Nuisance)
Thải nước thải ra cống Thải các chất thải dầu, mỡ, hóa chất...	Ô nhiễm nước	WP (Water polution)
Thải các loại chất thải nguy hại ra môi trường. Làm đổ các loại dung dịch, hóa chất...	Ô nhiễm nguồn nước trong đất	GP (Ground Water polution)
	Ô nhiễm đất	SC (Soil Contamination)
Tiếng ồn lớn Làm rung, chấn động	Gây tiếng ồn và chấn động	NV (Noise and vibration)
Rác thải	Phát sinh rác	WD (Waste Disposal)
Tiết kiệm hoặc giảm thiểu việc sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên hữu hạn và vô hạn	Tái chế	RC (Recycling Waste)
	Tái sử dụng	RU (Reuse Waste)
Sử dụng các chất không hại tầng ozone	Có lợi cho tầng ozone	OF (Ozone layer Friendly)

An toàn và sức khỏe Ngăn ngừa ô nhiễm không khí	An toàn và sức khỏe Bảo vệ không khí	SH (Safety and Health) CA (Conversation of Air)
Ngăn ngừa ô nhiễm nguồn nước	Bảo vệ nguồn nước	CW (Conversation of Water)

BẢNG XÁC ĐỊNH KHÍA CẠNH VÀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Ghi chú:

- Số quản lý thường là: EPA-EA-xx, trong đó EPA là từ viết tắt của “Environmental Protection Agency”, EA là từ viết tắt của “Environmental Audit”, xx là số thứ tự của số quản lý.

- Mã tác động được xác định theo hướng dẫn tại Phụ lục thuộc QT.08/MTĐT.

Ngày ... tháng ... năm
Đại diện lãnh đạo phê duyệt
Ngày ... tháng ... năm
Phu trách đơn vị soát xét

Ngày ... tháng ... năm
Người lập

BM.01/QT.08/MTDT * 47/6 /2016

BẢNG ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC ĐỊNH KHÍA CẠNH MÔI TRƯỜNG CÓ Ý NGHĨA

Ghi chú

- + “Điểm mức độ ảnh hưởng” = $a \times b \times c$
 - + Dánh giá “Khía cạnh môi trường có ý nghĩa” theo A, B, C, D
 - A = cao = 75 đến 100 điểm
 - B = trung bình = 50 đến 74 điểm
 - C = thấp = 25 đến 49 điểm
 - D = không đáng kể = 1 đến 24 điểm
 - + Ngày ... tháng ... năm
 - Đại diện lãnh đạo phê duyệt**
 - Ngày ... tháng ... năm**
 - Phụ trách đơn vị soát xé**
 - Năm ...**

Ngày ... tháng ... năm
Đại diện lãnh đạo phê duyệt

Ngày tháng năm
Phụ trách đơn vị soát xét

Ngày ... tháng ... năm
Người lập

**DANH MỤC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT KHẢI CẠNH MÔI TRƯỜNG CÓ Ý NGHĨA
DO CÔNG TY/DON VI QUẢN LÝ:**

Ghi chú:

- + Tên văn bản: là các tài liệu như: Hương dân thu gom và xử lý rác thải văn phòng, Hướng dẫn vận hành, bảo trì thiết bị,...
 - + Phương tiện kiểm soát, hỗ trợ: là các phương tiện theo dõi, giám sát, kiểm tra các thông số môi trường,...

Đại diện lãnh đạo phê duyệt
Ngày tháng năm

Ngày tháng năm
Phụ trách đơn vị soát xét

Ngày ... tháng ... năm
Người lập